

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Công

Bà Dương Thị Bận

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vương Triều, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 422/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1999, tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã T, huyện T, tỉnh An Giang; Căn cước công dân số: 089099007522; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn) 6/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị T1; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Ngày 19/01/2024, bị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (theo bản án số 20/2024/HSST), chấp hành án tại Trại giam T4 đến ngày 18/5/2024 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 03/9/2024 bị tạm giữ, tạm giam đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Lê Minh T2, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Hoàng Hưng T3, sinh năm 2000; địa chỉ: xã Q, huyện T, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Trương Văn Lượm E, sinh năm 1990; địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu Đ có quen biết với Lê Minh T2, sinh năm 1987. Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 27/8/2024, khi biết T2 đang cần tìm mua vật tư dùng trong nghề điện (miếng mủ băng truyền tản nhiệt) thì Đ điện thoại cho T2 và cho biết ở gần chỗ Đ có nhiều chỗ bán vật tư như trên, Đ kêu T2 tới mua thì T2 đồng ý. Sau đó, T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Cup biển số 60FC – 8505 đến gặp và chờ Đ ngồi sau đi mua vật tư. Do mới chấp hành xong án phạt tù, không có nghề nghiệp, không có tiền tiêu xài nên Đ đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của T2 để bán lấy tiền tiêu xài, để thực hiện ý định, trên đường đi Đ nói “ông không biết đường, chạy chậm quá, để tôi chạy cho nhanh” thì T2 dừng lại đưa xe cho Đ điều khiển. Đ điều khiển xe chở T2 đi đến đoạn đường C, khi đi đến trước địa chỉ E khu phố H, phường H, thành phố T thì Đ nói với T2 “đến nơi rồi” để T2 bước xuống xe, khi T2 vừa xuống xe, đồng thời nghe điện thoại thì Đ lợi dụng cơ hội T2 không chú ý nên tăng ga điều khiển xe bỏ chạy về hướng phường A, thành phố T. Thấy vậy, T2 la lên, chạy bộ đuổi theo để giữ xe lại nhưng không kịp. Sau khi chiếm đoạt được xe, Đ điều khiển xe đi đến cửa hàng mua bán xe cũ Ngọc Bích II, có địa chỉ: 7 tổ A, khu phố A, phường A, thành phố T gặp ông Trương Văn Lượm E, sinh năm 1990, bán chiếc xe mô tô trên cho ông Lượm E với giá 1.100.000 đồng, khi bán Đ nói xe cũ của Đ không có giấy tờ, do kẹt tiền nên cần bán. Ông Lượm E thấy xe đã cũ nát, giá rẻ nên mua để bán phế liệu và trả số tiền 1.100.000 đồng cho Đ, Đ đã sử dụng hết số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 21 giờ 00 phút ngày 31/8/2024, T2 gặp Đ tại đường A, phường A, thành phố T nên báo Công an phường H để xử lý, giải quyết theo quy định.

Tang vật thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô gắn biển số 60FC - 8505, nhãn hiệu HONDA, số loại C50; màu xanh có số khung 082538; số máy: 92500687;

Bản kết luận định giá tài sản ngày 09/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T xác định: 01 (một) xe mô tô gắn biển số 60FC - 8505, nhãn hiệu HONDA, số loại C50; màu xanh có số khung 082538; số máy: 92500687 có trị giá 700.000 đồng.

Cáo trạng số 06/CT-VKS-TA ngày 27/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An truy tố Nguyễn Hữu Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 171, **điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52** của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 01 (một) năm 09 (chín) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Biện pháp tư pháp: Đối với xe mô tô hiệu Honda Cup biển số 60FC – 8505 bị chiếm đoạt trong vụ án, quá trình điều tra xác định chiếc xe này bị hại Lê Minh T2 mượn của ông Hoàng Hưng T3, sinh năm 2000 (em vợ T2) để làm phương tiện đi lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã tiến hành điều tra, xác minh xác định ông T3 là chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô hiệu Honda biển số 60FC – 8505 do đó đã trả lại xe mô tô trên cho ông T3 là có căn cứ. Ông T3, ông T2 không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Đối với Trương Văn Lượm E có hành vi mua chiếc xe mô tô hiệu Honda Cup biển số 60FC – 8505 do Nguyễn Hữu Đ mang tới bán. Quá trình điều tra xác định ông Lượm E không biết chiếc xe do Đ phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là có căn cứ. Ông Lượm E không yêu cầu bồi thường gì khác.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo biết lỗi, ăn năn hối cải về hành vi của mình và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có yêu cầu xét xử vắng mặt và không có ý kiến, yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại. Xét thấy đây là yêu cầu tự nguyện của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình điều tra, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lời khai đầy đủ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử, phù hợp với Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại, cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 27/8/2024, tại khu vực trước địa chỉ: E đường C, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Hữu Đ có hành vi chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda biển số 60FC – 8505 trị giá 700.000 đồng của ông Lê Minh T2 rồi nhanh chóng tẩu thoát khỏi hiện trường. Hành vi của Nguyễn Hữu Đ thực hiện đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án, Nguyễn Hữu Đ trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Như vậy, Cáo trạng số 06/CT-VKS-TA ngày

27/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố:

Bị cáo Nguyễn Hữu Đ về tội Cướp giật tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, làm mất an ninh trật tự tại nơi bị cáo gây án. Bị cáo còn trẻ, có khả năng lao động lẽ ra bị cáo phải tìm cho mình một nghề nghiệp ổn định, tích cực làm việc để tạo ra của cải vật chất chân chính nuôi sống bản thân, chăm lo cho gia đình, nhưng vì muốn có tiền một cách nhanh chóng mà bị cáo phạm tội. Bản thân bị cáo đã từng bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, thời gian chấp hành án của bản án trước đây cũng chưa đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo. Do đó, đối với hành vi của bị cáo cần phải xử lý thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện và cách ly bị cáo một thời gian để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; Tài sản bị cáo cướp giật đã được thu hồi giao trả cho bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong.

[8] Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Cup biển số 60FC – 8505 bị chiếm đoạt trong vụ án, quá trình điều tra xác định chiếc xe của ông Hoàng Hưng T3. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại xe mô tô trên cho ông T3 là có căn cứ. Ông T3, ông T2 không có yêu cầu bồi thường gì khác.

[9] Đối với Trương Văn Lượm E có hành vi mua chiếc xe mô tô hiệu Honda Cup biển số 60FC – 8505 do bị can Nguyễn Hữu Đ mang tới bán. Quá trình điều tra xác định ông Lượm E không biết chiếc xe này do bị can Đ phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là có căn cứ. Ông Lượm E không yêu cầu bồi thường gì khác.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Điều 136, 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 03/9/2024.

2. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP.Thuận An;
- Chi cục THADS TP.Thuận An;
- Công an TP.Thuận An;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thảo